【岐阜県】主な野菜の作付面積と収穫量

	1~-	干水】工	- ひ お 不	** 11 13 =			
		作付面積(ha)	収穫量(t)	出荷量(t)	作付面積(%)	対前年比 収穫量(%)	出荷量(%)
	キャベツ	238	6,340	4,670		159	159
	春キャベツ	88	2,650	1,700		159	159
	夏秋キャベツ					nc	
					nc		nc
	冬キャベツ				nc	nc	nc
	きゅうり	161	5,730			105	103
	冬春きゅうり	19	2,450	2,310	100	99	99
	夏秋きゅうり	142	3,280	1,770	100	109	109
	さといも	302	3,380	1,200	98	103	102
	秋冬さといも	302	3,380	1,200	98	103	102
	その他さといも				nc	nc	nc
	だいこん	530	19,200	14,500	101	108	108
	春だいこん	69	2,530	2,280	99	106	106
	夏だいこん	135	6,510	5,990	104	111	110
	秋冬だいこん	326	10,200	6,250	100	107	107
	たまねぎ	106	2,680	1,450	96	85	85
	トマト	303	26,100	23,900	102	111	111
	ミニトマト	21	1,090	958	100	121	122
	加工用トマト	21	1,090	336			
		43	7.050	6,910	nc 100	nc 110	nc
	冬春トマト		7,350				110
	冬春ミニトマト	4	432	407	100	141	141
指	夏秋トマト	260	18,700	17,000	103	111	112
	夏秋ミニトマト	17	656	551	100	110	111
	夏秋加工用トマト	-	=	=	nc	nc	nc
	なす	152	4,000	2,080	97	152	153
定	冬春なす				nc	nc	nc
	夏秋なす	151	3,810	1,910	97	152	153
	にんじん	174	6,700	5,550	97	118	116
	春夏にんじん	67	3,280	3,080	102	109	109
野	秋にんじん				nc	nc	nc
	冬にんじん	103	3,370	2,430	94	127	127
	ねぎ	198	1,670	880	99	68	68
	春ねぎ				nc	nc	nc
菜	夏ねぎ				nc	nc	nc
		158	1 200	541	99	68	
	秋冬ねぎ		1,280				68
	はくさい	219	8,280			104	104
	春はくさい				nc	nc	nc
	夏はくさい				nc	nc	nc
	秋冬はくさい	215	8,110	4,150	99	104	104
	ばれいしょ				nc	nc	nc
	春ばれいしょ				nc	nc	nc
	秋ばれいしょ				nc	nc	nc
	ピーマン(ししとう含)	37	533	342	97	102	101
	冬春ピーマン				nc	nc	nc
	夏秋ピーマン	37	533	342	97	102	101
	ほうれんそう	1,200	11,800	10,500	99	99	99
	レタス(サラダ菜含)				nc	nc	nc
	サラダ菜				nc	nc	nc
	春レタス(サラダ菜含)				nc	nc	nc
	春サラダ菜				nc	nc	nc
	夏秋レタス(サラダ菜含)						
					nc	nc	nc
	夏秋サラダ菜				nc	nc	nc
	冬レタス(サラダ菜含)				nc	nc	nc
	冬サラダ菜				nc	nc	nc

		/= / 	Ja# E //	U.#.B.W		対前年比	
		作付面積(ha)	収穫量(t)	出荷量(t)	作付面積(%)	収穫量(%)	出荷量(%)
	アスパラガス				nc	nc	nc
	いちご	114	3,160	2,520	102	114	114
	えだまめ	229	1,190	939	96	97	97
	かぶ	140	3,090	2,360	95	103	103
	かぼちゃ				nc	nc	nc
	カリフラワー				nc	nc	nc
	かんしょ			=	nc	nc	=
	グリーンピース	22	147	55	100	99	100
	ごぼう				nc	nc	nc
	こまつな	145	2,330	2,040	100	108	108
特	さやいんげん	84	693	384	98	101	101
.,	さやえんどう				nc	nc	nc
	ししとう	8	110	70	100	110	109
	冬春ししとう				nc	nc	nc
定	夏秋ししとう	8	110	70	100	110	109
	しゅんぎく	22	431	381	96	100	100
	しょうが				nc	nc	nc
	スイートコーン				nc	nc	nc
野	すいか				nc	nc	nc
	セルリー				nc	nc	nc
	そらまめ				nc	nc	nc
菜	ちんげんさい				nc	nc	nc
*	にら				nc	nc	nc
	にんにく				nc	nc	nc
	ふき				nc	nc	nc
	ブロッコリー				nc	nc	nc
	みずな				nc	nc	nc
	みつば				nc	nc	nc
	メロン				nc	nc	nc
	温室メロン				nc	nc	nc
	やまのいも				nc	nc	nc
	ながいも				nc	nc	nc
	れんこん 木水産省「令和3年産野菜生産出				nc	nc	nc

資料:農林水産省「令和3年産野菜生産出荷統計」及び「令和3年産作物統計」 注:表中に用いた記号「0]:単位に満たないもの(例:0.4ha—0ha)、「-」:事実のないもの、「…」:事実不詳又は調査を欠くもの、「nc」:計算不能